

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-MĐC ngày tháng năm của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ Địa chất

Ngành đào tạo:
Chuyên ngành đào tạo:
Trình độ đào tạo:
Loại hình đào tạo:
Bộ môn chủ quản đào tạo:
1. Mục tiêu đào tạo

Kỹ thuật Cơ khí
Máy và thiết bị mỏ
Đại học
Chính quy tập trung
Máy và Thiết bị mỏ
Mã Số: 52520103
Mã số: 5252010301

Đào tạo kỹ sư Máy và Thiết bị mỏ có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe, có năng lực chuyên môn trong các lĩnh vực: Cơ khí, Máy - Thiết bị mỏ công nghiệp đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước. Sau khi tốt nghiệp, kỹ sư Máy - Thiết bị mỏ có khả năng thiết kế, thi công, quản lý trong các lĩnh vực Cơ khí, Máy và Thiết bị mỏ công nghiệp, có thể làm việc tại các đơn vị sau:

- Các công ty, xí nghiệp khai thác khoáng sản có ích: các mỏ khai thác than hầm lò và lộ thiên; các mỏ khai thác quặng hầm lò và lộ thiên; các mỏ khai thác vật liệu xây dựng; các nhà máy Cơ khí, nhà máy tuyển than, tuyển quặng....
- Các công ty tư vấn thiết kế mỏ, các viện nghiên cứu khoa học công nghệ mỏ;
- Làm công tác quản lý ở các cơ quan quản lý nhà nước về khai thác và quản lý tài nguyên, các công ty nhà máy Cơ khí, thuộc lĩnh vực mỏ công nghiệp;
- Có khả năng giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại các trường đại học, Cao đẳng trong lĩnh vực mỏ và công nghiệp, có khả năng học tập ở bậc sau đại học để mở rộng và nâng cao kiến thức.

- 2. Thời gian đào tạo:**
3. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng số tín chỉ):
4. Đối tượng tuyển sinh:
5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp
5.1. Quy trình đào tạo

5 năm
162 TC
Theo quy định của BGD&ĐT

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, theo “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” (Ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH, ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ-Địa chất).

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ điều kiện như quy định tại Điều 27 của quyết định 43/2007/QĐ-BGD&ĐT và Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH sẽ được xét và công nhận tốt nghiệp, cụ thể:

- Đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Tích lũy đủ số học phần theo chương trình đào tạo. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa phải đạt từ 2,00 trở lên.
- Các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng đạt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học.

6. Thang điểm

Theo Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH của Trường Đại học Mỏ-Địa chất.

7. Nội dung chương trình:

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương:

- Kiến thức bắt buộc:
- Kiến thức tự chọn:

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

- Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc:
- Kiến thức chuyên ngành:
- Thực tập tốt nghiệp:
- Đồ án tốt nghiệp:

162 TC
51 TC
45 TC
6 TC
111 TC
54 TC
44TC
6 TC
7 TC

NỘI DUNG KIẾN THỨC ĐÀO TẠO

STT	Mã MH	Tên MH	TC	Bộ môn quản lý
BẬC		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2013	162	
I		Kiến thức giáo dục đại cương	51	
I.1		Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc	45	
1	4020101	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 1	2	Nguyên lý CB của chủ nghĩa Mác- Lê Nin
2	4020102	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lê Nin 2	3	Nguyên lý CB của chủ nghĩa Mác- Lê Nin
3	4020301	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	Đường lối cách mạng của ĐCSVN

STT	Mã MH	Tên MH	TC	Bộ môn quản lý
BẮC		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2013	162	
4	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh
5	4010613	Tiếng Anh NEF 1	3	Ngoại ngữ
6	4010614	Tiếng Anh NEF 2	3	Ngoại ngữ
7	4010701	Giáo dục thể chất 1	1	Giáo dục thể chất
8	4010702	Giáo dục thể chất 2	1	Giáo dục thể chất
9	4010703	Giáo dục thể chất 3	1	Giáo dục thể chất
10	4010704	Giáo dục thể chất 4	1	Giáo dục thể chất
11	4010705	Giáo dục thể chất 5	1	Giáo dục thể chất
12	4020103	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật
13	4010101	Đại số	3	Toán
14	4010102	Giải tích 1	4	Toán
15	4010103	Giải tích 2	3	Toán
16	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3	Lý
17	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3	Lý
18	4010301	Hóa học đại cương 1 + TN	3	Hoá
19	4080201	Tin học đại cương + TH (dùng cho K.Thuật)	3	Tin học cơ bản
I.2		Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn	6	
20	4010105	Xác suất thống kê	2	Toán
21	4010106	Phương pháp tính	2	Toán
22	4010110	Toán tối ưu	2	Toán
23	4010112	Lý thuyết đồ thị	2	Toán
24	4010109	Logic đại cương	2	Toán
II		Kiến thức giáo dục chuyên ngành	111	
II.1		Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	54	
25	4010401	Hình học họa hình	2	Hình họa
26	4010402	Vẽ kỹ thuật	2	Hình họa
27	4010501	Cơ lý thuyết 1	3	Cơ lý thuyết
28	4010502	Cơ lý thuyết 2	2	Cơ lý thuyết
29	4030503	Sức bền vật liệu + BTL1,2 + TN	4	Sức bền vật liệu
30	4090417	Kỹ thuật thủy khí B + TN	3	Kỹ thuật cơ khí
31	4090401	Nguyên lý máy + BTL	3	Kỹ thuật cơ khí
32	4090301	Kỹ thuật điện + TN	3	Kỹ thuật điện - điện tử
33	4090302	Kỹ thuật điện tử + TN	3	Kỹ thuật điện - điện tử
34	4090404	Kỹ thuật đo + BTL	3	Kỹ thuật cơ khí
35	4090402	Vật liệu kỹ thuật + TN	3	Kỹ thuật cơ khí
36	4090406	Cơ sở thiết kế máy	3	Kỹ thuật cơ khí
37	4090238	Kỹ thuật điều khiển tự động	2	Tự động hóa
38	4090408	Kỹ thuật gia công cơ khí 1	4	Kỹ thuật cơ khí
39	4090409	Kỹ thuật gia công cơ khí 2	3	Kỹ thuật cơ khí
40	4090414	Kỹ thuật nhiệt A	3	Kỹ thuật cơ khí
41	4090407	Đồ án thiết kế truyền động cơ khí	1	Kỹ thuật cơ khí
42	4090410	Đồ án kỹ thuật gia công cơ khí	2	Kỹ thuật cơ khí
43	4090558	Thực tập cơ khí (5 tuần)	3	Xưởng cơ
44	4090513	Kỹ thuật an toàn và môi trường cơ khí	2	Máy và Thiết bị mô
II.2		Kiến thức giáo dục chuyên ngành bắt buộc	20	
45	4090506	Tiếng Anh chuyên ngành	2	Máy và Thiết bị mô
46	4090572	Máy vận tải	3	Máy và Thiết bị mô
47	4090573	Đồ án máy vận tải	1	Máy và Thiết bị mô
48	4090502	Truyền động thủy khí + BTL	3	Máy và Thiết bị mô
49	4090540	Máy thủy khí	3	Máy và Thiết bị mô
50	4090566	Đồ án máy thủy khí	1	Máy và Thiết bị mô
51	4090574	Máy và thiết bị khai thác mỏ	3	Máy và Thiết bị mô
52	4090575	Đồ án máy và thiết bị khai thác mỏ	1	Máy và Thiết bị mô
53	4090510	Công nghệ sửa chữa máy	3	Máy và Thiết bị mô
II.2.1		Kiến thức chuyên ngành hướng chuyên sâu Máy và TB mô (chọn 8TC)	8	
54	4090512	Tin học chuyên ngành	2	Máy và Thiết bị mô
55	4090507	Trục tải	2	Máy và Thiết bị mô
56	4090505	Máy nâng - máy xếp dỡ.	2	Máy và Thiết bị mô
57	4090509	Máy tuyển khoáng + BTL	3	Máy và Thiết bị mô
58	4090503	Thiết bị động lực	2	Máy và Thiết bị mô
59	4090224	Phương pháp lập trình CNC	2	Tự động hóa

STT	Mã MH	Tên MH	TC	Bộ môn quản lý
BẮC		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2013	162	
II.2.2		<i>Kiến thức chuyên ngành hướng chuyên sâu Máy và Thiết bị công nghiệp (chọn 8TC)</i>	8	
60	4090556	Tin học chuyên đề	2	Máy và Thiết bị mô
61	4090557	Máy nâng chuyên	2	Máy và Thiết bị mô
62	4090219	Mạng truyền thông công nghiệp	2	Tự động hóa
63	4090559	Động cơ đốt trong	3	Máy và Thiết bị mô
64	4090223	Rô bốt công nghiệp	2	Tự động hóa
65	4090555	Máy và thiết bị công nghiệp	2	Máy và Thiết bị mô
II.3		<i>Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa</i>	8	
66	4090107	An toàn điện	2	Điện khí hóa
67	4090125	Nhà máy điện	3	Điện khí hóa
68	4090126	Cơ sở cung cấp điện	2	Điện khí hóa
69	4090224	Phương pháp lập trình CNC	3	Tự động hóa
70	4090235	Ứng dụng Matlab và Simulink trong bài toán kỹ thuật	2	Tự động hóa
71	4090241	Ứng dụng PLC trong công nghiệp	3	Tự động hóa
72	4090341	Mô phỏng mạch điện và điện tử	2	Kỹ thuật điện - điện tử
73	4090420	Công nghệ Nano và vật liệu mới	2	Kỹ thuật cơ khí
74	4090502	Truyền động thủy khí + BTL	3	Máy và Thiết bị mô
75	4090503	Thiết bị động lực	2	Máy và Thiết bị mô
76	4090151	Kỹ thuật chiếu sáng	2	Điện khí hóa
77	4090152	Vận hành hệ thống điện	3	Điện khí hóa
78	4100161	Cơ học đá	2	Cơ học đá
79	4090150	Kinh tế năng lượng	3	Điện khí hóa
80	4090431	Công nghệ CAD/CAM/CNC	2	Kỹ thuật cơ khí
81	4090434	Lý thuyết cánh	1	Kỹ thuật cơ khí
82	4090239	Kỹ thuật vi xử lý	2	Tự động hóa
83	4090214	Cơ sở truyền động điện	2	Tự động hóa
II.4		<i>Kiến thức chuyên ngành chọn theo trường</i>	8	
84	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2	Đường lối cách mạng của ĐCSVN
85	4000002	Tâm lý học đại cương	2	Nguyên lý CB của chủ nghĩa Mác- Lê Nin
86	4000003	Tiếng Việt thực hành	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh
87	4000004	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	Nguyên lý CB của chủ nghĩa Mác- Lê Nin
88	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2	Đường lối cách mạng của ĐCSVN
89	4000006	Kỹ năng tư duy phê phán	2	Nguyên lý CB của chủ nghĩa Mác- Lê Nin
90	4020104	Lịch sử Triết học	2	Nguyên lý CB của chủ nghĩa Mác- Lê Nin
91	4010403	Autocad + TH	2	Hình họa
92	4010603	Tiếng Anh 3	2	Ngoại ngữ
93	4010604	Tiếng Anh 4	2	Ngoại ngữ
94	4010605	Tiếng Nga 1	2	Ngoại ngữ
95	4010606	Tiếng Nga 2	2	Ngoại ngữ
96	4010607	Tiếng Trung 1	2	Ngoại ngữ
97	4010608	Tiếng Trung 2	2	Ngoại ngữ
98	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	2	Khai thác lộ thiên
99	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2	Khai thác hầm lò
100	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2	Tuyển khoáng
101	4040101	Địa chất đại cương	3	Địa chất
102	4040110	Địa mạo cảnh quan	2	Địa chất
103	4040517	Cơ sở Địa chất công trình - địa chất thủy văn	3	Địa chất thủy văn
104	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành TĐđ + BTL	3	Trắc địa cao cấp
105	4050301	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	3	Trắc địa ảnh
106	4050302	Cơ sở viễn thám	2	Trắc địa ảnh
107	4050509	Kỹ thuật môi trường	2	Kỹ thuật môi trường
108	4050526	Trắc địa đại cương	2	Trắc địa mỏ
109	4060142	Địa vật lý đại cương	2	Địa vật lý
110	4060339	Cơ sở lọc hóa dầu	2	Lọc - Hóa dầu
111	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2	Khoan khai thác
112	4070304	Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	3	Quản trị kinh doanh
113	4070331	Quản trị dự án đầu tư	2	Quản trị kinh doanh
114	4070401	Nguyên lý kế toán	3	Kế toán
115	4080153	Thiết kế Website	2	Mạng máy tính
116	4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	2	Công nghệ phần mềm
117	4100167	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	2	Xây dựng CTN & Mỏ
118	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	Môi trường cơ sở
119	4110130	Địa y học	2	Môi trường cơ sở

432

STT	Mã MH	Tên MH	TC	Bộ môn quản lý
BẬC		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2013	162	
120	4110236	Môi trường và con người	2	Địa sinh thái và Công nghệ môi trường
III		Thực tập tốt nghiệp	6	
121	4090517	Thực tập công nghệ chế tạo và sửa chữa máy (4 tuần)	2	Máy và Thiết bị mô
122	40905219	Thực tập tốt nghiệp	4	Máy và Thiết bị mô
IV		Đồ án tốt nghiệp	7	
123	4090520	Đồ án tốt nghiệp	7	Máy và Thiết bị mô

BỘ MÔN

Đỗ Văn Ngạn

KHOA

Thắng
PHÓ TRƯỞNG KHOA
TS. Lê Xuân Thành

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH MÁY VÀ THIẾT BỊ MỎ

Hệ Đào Tạo Đại học (Tín chỉ) (1)			
Ngành Máy và thiết bị mỏ (CDMT)			
Chương trình chung của ngành			
Học Kỳ Thứ 1	MHP	Tên môn học	TC
1	4020101	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2
2	4010101	Đại số	3
3	4010102	Giải tích 1	4
4	4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	3
5	4010601	Tiếng Anh NEF1	3
6	4020103	Pháp luật đại cương	2
7	4010701	Giáo dục thể chất 1	1
Học Kỳ Thứ 2			
1	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3
2	4010103	Giải tích 2	3
3	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3
4	4020102	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3
5	4010602	Tiếng Anh NEF2	3
6	4010702	Giáo dục thể chất 2	1
Học Kỳ Thứ 3			
1	4010501	Cơ học lý thuyết 1	3
2	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3
4	4010401	Hình học họa hình	2
5	4090301	Kỹ thuật điện +TN	3
6	4010703	Giáo dục thể chất 3	1
7		Môn tự chọn A (ngành CDMT)	2
Học Kỳ Thứ 4			
1	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3
2	4010402	Vẽ kỹ thuật	2
3	4010502	Cơ học lý thuyết 2	2
4	4030503	Sức bền vật liệu A +BTL1,2 +TN	4
5	4090404	Kỹ thuật đo +BTL	3
6	4010704	Giáo dục thể chất 4	1
7		Môn tự chọn A (ngành CDMT)	2
Học Kỳ Thứ 5			
1	4090402	Vật liệu kỹ thuật + TN	3
2	4090408	Kỹ thuật gia công cơ khí 1	4
3	4090401	Nguyên lý máy + BTL	3
4	4090406	Cơ sở thiết kế máy	3
5	4090238	Kỹ thuật điều khiển tự động	2
6	4010705	Giáo dục thể chất 5	1
7		Môn tự chọn A (ngành CDMT)	2
Học Kỳ Thứ 6			
1	4090414	Kỹ thuật nhiệt A	3
2	4090409	Kỹ thuật gia công cơ khí 2	3
3	4090407	Đồ án Thiết kế truyền động cơ khí	1
4	4090417	Kỹ thuật thủy khí B + TN	3
5	4090302	Kỹ thuật điện tử +TN	3
6		Môn tự chọn B (khoa 09)	2
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2
Học Kỳ Thứ 7			
1	4090410	Đồ án Kỹ thuật gia công cơ khí 2	2
2	4090572	Máy vận tải	3
3	4090510	Công nghệ sửa chữa máy	3
4	4090502	Truyền động thủy khí + BTL	3
5	4090574	Máy và thiết bị khai thác mỏ	3
6		Môn tự chọn B (khoa 09)	2
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2
Học Kỳ Thứ 8			
1	4090540	Máy thủy khí	3
2	4090558	Thực tập cơ khí	3

3	4090573	Đồ án Máy vận tải	1
4	4090506	Tiếng anh chuyên ngành	2
5	4090513	Kỹ thuật an toàn và môi trường cơ khí	2
6	4090575	Đồ án Máy và thiết bị khai thác mỏ	1
7		Môn tự chọn B (khoa 09)	2
8		Môn tự chọn C (toàn trường)	2
Hướng Chuyên Sâu (CDMT1): Máy			
Học Kỳ Thứ 9			
1	4090566	Đồ án Máy thủy khí	1
2	4090505	Máy nâng- Máy xếp dỡ	2
3	4090509	Máy tuyển khoáng + BTL	3
4	4090503	Thiết bị động lực	2
5	4090224	Phương Pháp lập trình CNC	2
6	4090512	Tin học chuyên ngành	2
7	4090507	Trục tải	2
8		Môn tự chọn B (khoa 09)	2
9		Môn tự chọn C (toàn trường)	2
Học Kỳ Thứ 10			
1	4090517	TT Công nghệ chế tạo và sửa chữa máy	2
2	4090519	Thực tập tốt nghiệp	4
3	4090520	Đồ án tốt nghiệp	7
Hướng Chuyên Sâu (CDMT2): Máy			
Học Kỳ Thứ 9			
1	4090566	Đồ án Máy thủy khí	1
2	4090556	Tin học chuyên đề	2
3	4090557	Máy nâng chuyển	2
4	4090219	Mạng truyền thông công nghiệp	2
5	4090559	Động cơ đốt trong	3
6	4090555	Máy và thiết bị công nghiệp	2
7	4090223	Robot công nghiệp	2
8		Môn tự chọn B (khoa 09)	2
9		Môn tự chọn C (toàn trường)	2
Học Kỳ Thứ 10			
1	4090517	TT Công nghệ chế tạo và sửa chữa máy	2
2	4090519	Thực tập tốt nghiệp	4
3	4090520	Đồ án tốt nghiệp	7
Môn tự chọn A (ngành CDMT) (_A)			
1	4010105	Xác suất thống kê	2
2	4010106	Phương pháp tính	2
3	4010109	Lógica đại cương	2
4	4010110	Toán tối ưu	2
5	4010112	Lý thuyết đồ thị	2
Môn tự chọn B (khoa 09) (_BKH09)			
1	4090107	An toàn điện	2
2	4090125	Nhà máy điện	2
3	4090126	Cơ sở cung cấp điện	2
4	4090224	Phương Pháp lập trình CNC	2
5	4090235	Ứng dụng Matlab và Simulink trong bài toán K.thuật	2
6	4090241	Ứng dụng PLC trong công nghiệp	2
7	4090341	Mô phỏng mạch điện và điện tử	2
8	4090420	Công nghệ Nano và vật liệu mới	2
9	4090502	Truyền động thủy khí + BTL	3
10	4090503	Thiết bị động lực	2
11	4090151	Kỹ thuật chiếu sáng	2
12	4090152	Vận hành hệ thống điện	2
13	4100161	Cơ học đá	2
14	4090150	Kinh tế năng lượng	2
15	4090431	Công nghệ CAD/CAM/CNC	2
16	4090434	Lý thuyết cánh	2
17	4090239	Kỹ thuật vi xử lý	2
18	4090214	Cơ sở truyền động điện	2
Môn tự chọn C (toàn trường) (_CCH)			

1	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2
2	4000002	Tâm lý học đại cương	2
3	4000003	Tiếng Việt thực hành	2
4	4000004	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2
5	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2
6	4000006	Kỹ năng tư duy phê phán	2
7	4020104	Lịch sử Triết học	2
8	4010403	Autocad	2
9	4010603	Tiếng Anh 3	2
10	4010604	Tiếng Anh 4	2
11	4010605	Tiếng Nga 1	2
12	4010606	Tiếng Nga 2	2
13	4010607	Tiếng Trung 1	2
14	4010608	Tiếng Trung 2	2
15	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	2
16	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2
17	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2
18	4040101	Địa chất đại cương	3
19	4040110	Địa mạo cảnh quan	2
20	4040517	Cơ sở Địa chất công trình -Địa chất thủy văn	3
21	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)-A (cho ngành TĐ) + BTL	3
22	4050301	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	3
23	4050302	Cơ sở viễn thám	2
24	4050509	Kỹ thuật môi trường	2
25	4050526	Trắc địa đại cương	2
26	4060142	Địa vật lý đại cương	2
27	4060339	Cơ sở lọc hóa dầu	2
28	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2
29	4070304	Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	3
30	4070331	Quản trị dự án đầu tư	2
31	4070401	Nguyên lý kế toán	3
32	4080153	Thiết kế Website	2
33	4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	2
34	4100167	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	2
35	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2
36	4110130	Địa y học	2
37	4110236	Môi trường và con người	2

BỘ MÔN

KHOA


Đoàn Văn Giáp


TS Lê Xuân Thanh

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên chương trình đào tạo

1.1 Tên tiếng Việt:

Ngành đào tạo: Kỹ thuật cơ khí
Chuyên ngành: Máy và Thiết bị mỏ

Mã số: 52520103

Mã số: 5252010301

1.2 Tên tiếng Anh:

Ngành đào tạo: Mechanical engineer
Chuyên ngành: Mining Machinery and Equipment

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Yêu cầu về kiến thức

Hoàn thành chương trình đào tạo chuyên ngành Máy và Thiết bị mỏ được thiết kế theo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

3.1. Kiến thức giáo dục đại cương

Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức về khoa học cơ bản, làm nền tảng cho những kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành sau này; có sức khỏe và những kiến thức cần thiết đáp ứng yêu cầu học tập, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3.2. Kiến thức cơ sở ngành

Nắm vững các kiến thức cơ sở về kỹ thuật cơ khí như Vẽ kỹ thuật, Cơ lý thuyết, Sức bền vật liệu, Nguyên lý máy, Cơ sở thiết kế máy, Công nghệ chế tạo máy ... để phục vụ việc học tập các môn học chuyên ngành về sau.

3.3 Kiến thức chuyên ngành

Nắm vững những kiến thức chuyên sâu về Kỹ thuật Cơ khí, Máy vận tải, Máy thủy khí, Máy khai thác đặc biệt là các kiến thức thiết kế, chế tạo, vận hành các thiết bị đó.

4. Yêu cầu về kỹ năng

4.1. Kỹ năng cứng

Có khả năng thực hiện tốt các kỹ năng về chuyên ngành đào tạo: Thiết kế, chế tạo, lắp đặt, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, quản lý về máy, thiết bị, hệ thống cơ khí trong công nghiệp nói chung và ngành Mỏ nói riêng; có khả năng xử lý tình huống và giải quyết các vấn đề trong thực tế sản xuất.

4.2. Kỹ năng mềm

- Chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học: Phù hợp với yêu cầu của Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông, cụ thể khi sv tốt nghiệp phải đạt trình độ bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ VN và chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản.

- Các kỹ năng mềm khác: Có kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình,....

5. Yêu cầu về thái độ

Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân, có tác phong công nghiệp và thái độ làm việc nghiêm túc, đáp ứng các yêu cầu của thực tế sản xuất, đồng thời thường xuyên cập nhật kiến thức và sáng tạo trong công việc.

6. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp có thể được tiếp tục đào tạo ở các bậc đào tạo cao hơn như Thạc sỹ, Tiến sỹ... ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

7. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Người tốt nghiệp chương trình Kỹ sư Máy và Thiết bị mô có thể đảm nhiệm công việc tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực cơ khí với vai trò là:

- Kỹ sư thiết kế, chế tạo, phát triển.
- Kỹ sư vận hành, bảo dưỡng
- Kỹ sư kiểm định, đánh giá
- Tư vấn thiết kế, giám sát
- Kỹ sư quản lý dự án
- Kỹ sư dịch vụ cơ khí

8. Các chương trình tài liệu chuẩn tham khảo

- [1]. Chương trình đào tạo chuyên ngành Chế tạo máy, Đại học Bách Khoa Hà Nội.
- [2]. Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật Cơ khí, Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh.
- [3]. Chương trình đào tạo chuyên ngành Cơ khí Chế tạo máy, Đại học Cần Thơ.
- [4]. Chương trình đào tạo chuyên ngành Công nghệ chế tạo máy, Đại học Mỏ-Địa chất, Hà Nội.
- [5]. Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật Cơ khí Đại học Công nghiệp Hà Nội.

9. Các nội dung khác (nếu có)

BỘ MÔN

bnr
Vũ Nam Ng.

KHOA

Manh
PHÓ TRƯỞNG KHOA
TS. Lê Xuân Thành